

Số: 82 /2014/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày 11 tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước; Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường (sau khi lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan) tại tờ trình số 3372/TNMT-CCBHD&TNN ngày 19/11/2014, Báo cáo thẩm định số 1184/BC-STP ngày 23/10/2014 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ban hành; thay thế Quyết định số 31/2007/QĐ-UBND ngày 12/7/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Quản lý Tài nguyên nước;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các PVP/UBND tỉnh;
- Báo Hà Tĩnh, Đài PT-TH tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Các CV VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN, XD, NL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

HỒ CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn



QUY ĐỊNH

Quản lý Tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 82 /2014/QĐ-UBND ngày 21 /11/2014
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, bảo vệ, thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất (gọi chung là hoạt động tài nguyên nước) trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Tài nguyên nước được đề cập trong quy định này gồm nước mặt (ao, sông, hồ, đập, khe suối...), nước mưa, nước biển, nước dưới đất (trừ nước khoáng, nước nóng thiên nhiên).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

2. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài (gọi chung là tổ chức, cá nhân) thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Chương II QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH ĐIỀU TRA CƠ BẢN TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ BẢO VỆ NGUỒN NƯỚC

Điều 3. Xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của toàn tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm điều tra, thu thập, phân loại, đánh giá, xử lý, lưu trữ và quản lý dữ liệu tài nguyên nước, cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

Điều 4. Điều tra cơ bản tài nguyên nước

1. Kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch điều tra cơ bản tài nguyên nước của tỉnh trên cơ sở ý kiến thống nhất của Cục Quản lý Tài nguyên nước - Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Trách nhiệm thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kết quả điều tra, đánh giá tài nguyên nước của tỉnh; tổng hợp kết quả điều tra, đánh giá, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 5. Quy hoạch tài nguyên nước

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ điều kiện của địa phương, rà soát, điều chỉnh Quy hoạch tài nguyên nước của tỉnh, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện theo đúng quy định.

2. Quy hoạch về thủy lợi, thủy điện, cấp nước, giao thông đường thủy nội địa và các quy hoạch khác có khai thác, sử dụng tài nguyên nước (sau đây gọi chung là quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước) do các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Xây dựng, Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện và cơ quan có liên quan lập phải phù hợp với Quy hoạch tài nguyên nước.

Điều 6. Bảo vệ tài nguyên nước

1. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức điều tra, xác định các nguồn nước phải lập danh mục để xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định tại Điều 31 của Luật Tài nguyên nước và tổ chức công bố, quản lý theo quy định.

2. Lập, quản lý hành lang vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên địa bàn tỉnh và tổ chức công bố, thực hiện.

3. Tổ chức công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt, cảnh báo hiện tượng bất thường về chất lượng của nguồn nước sinh hoạt đối với các nguồn nước.

Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn định kỳ kiểm tra, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin chất lượng nguồn nước sinh hoạt trên địa

bản tỉnh, đặc biệt đối với các vùng có nguy cơ bị ô nhiễm nguồn nước, các đơn vị kinh doanh nước sạch.

4. Bảo đảm nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước.

a) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Trung tâm Khí tượng thủy văn tỉnh thường xuyên cập nhật số liệu về khí tượng, thủy văn các vùng trên địa bàn tỉnh; mức độ xâm nhập mặn theo các triền sông vào nội địa; cung cấp kịp thời số liệu về tài nguyên nước cho các ngành, các cấp thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh.

c) Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất các biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước đối với khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh.

5. Hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ, kinh phí xây dựng các chương trình nghiên cứu khoa học nhằm sử dụng nước tiết kiệm và hiệu quả.

Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện xây dựng chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả và xử lý, cải tạo, khôi phục nguồn nước bị ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức triển khai, chuyển giao, ứng dụng các kết quả nghiên cứu của đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

Điều 7. Khu vực cấm, tạm thời cấm khai thác cát, sỏi, các khoáng sản khác trên sông; công bố danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp

1. Đối với những dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dòng sông, đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông, xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục; tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm khai thác cát, sỏi và các khoáng sản khác.

2. Công bố danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp.

Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh lập, công

bổ danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh để phòng, chống ngập, úng và bảo vệ nguồn nước.

Điều 8. Công tác trám lấp giếng không sử dụng

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện định kỳ tổ chức điều tra, thống kê, phân loại, lập danh mục các giếng không sử dụng trên địa bàn tỉnh để tổ chức trám lấp theo quy định nhằm bảo vệ tài nguyên nước dưới đất.

2. Nguồn kinh phí tổ chức thực hiện việc trám lấp giếng không sử dụng trên địa bàn tỉnh lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

Chương III CẤP PHÉP, ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 9. Nguyên tắc và căn cứ cấp phép

Nguyên tắc, căn cứ, điều kiện, thời hạn cấp phép tài nguyên nước, áp dụng theo quy định tại Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước và Điều 6 Thông tư số 40/2014/TTBTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 10. Thẩm quyền đăng ký khai thác nước dưới đất

1. Ủy ban nhân dân cấp xã đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất trường hợp phục vụ sinh hoạt của hộ gia đình ở khu vực quy định tại Điều 4 của Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất trong các trường hợp phục vụ cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với quy mô không vượt quá 10m³/ngày.đêm; phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học ở khu vực quy định tại Điều 4 của Thông tư 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 11. Thẩm quyền cấp phép tài nguyên nước

1. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi, cấp lại giấy phép tài nguyên nước trong những trường hợp sau:

a) Thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với các công trình có lưu lượng từ 1.000m³/ngày.đêm đến dưới 3.000m³/ngày.đêm;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng từ 1m³/giây đến dưới 2m³/giây;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000KW đến dưới 2.000KW;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt cho mục đích khác với lưu lượng từ 30.000m³/ngày.đêm đến dưới 50.000m³/ngày.đêm;

đ) Khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng từ $50.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đến dưới $100.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$;

e) Xả nước thải với lưu lượng từ $10.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đến dưới $30.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản;

g) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 1.000m^3 đến dưới $3.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đối với các hoạt động khác.

h) Hành nghề khoan nước dưới đất với quy mô vừa.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau:

a) Thăm dò, khai thác nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới $1.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$;

b) Khai thác, sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất nông nghiệp có lưu lượng dưới $1\text{m}^3/\text{giờ}$;

c) Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy dưới 1.000KW ;

d) Khai thác, sử dụng nước mặt cho các mục đích khác với lưu lượng dưới $30.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$;

đ) Khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với lưu lượng dưới $50.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$;

e) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới $10.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản;

g) Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới $1.000\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ đối với hoạt động khác;

h) Hành nghề khoan nước dưới đất với quy mô nhỏ.

Điều 12. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan cấp phép

Cơ quan cấp giấy phép có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi và cấp lại giấy phép tài nguyên nước theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 11 của Quy định này;

2. Thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân xin cấp giấy phép biết lý do trong trường hợp từ chối cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép.

Điều 13. Cơ quan tiếp nhận và quản lý hồ sơ đăng ký, giấy phép

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và quản lý hồ sơ, giấy phép quy định tại Khoản 1, 2 Điều 11 của Quy định này.

2. UBND cấp huyện chịu trách nhiệm tiếp nhận và quản lý hồ sơ quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Quy định này.

3. UBND cấp xã chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều 10 của Quy định này.

Điều 14. Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh và cấp lại giấy phép tài nguyên nước

Hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, chuyển nhượng và cấp lại giấy phép tài nguyên nước thực hiện theo quy định tại Điều 30, 31, 32, 33, 34 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên nước và Điều 13, 14, 15 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

Điều 15. Trình tự, thủ tục cấp, gia hạn, điều chỉnh và cấp lại giấy phép tài nguyên nước

1. Trình tự, thủ tục cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.

a) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nộp một (01) bộ hồ sơ và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép.

b) Thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép (sau đây gọi chung là đề án, báo cáo).

- Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy phép hoặc ra quyết định cấp giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp giấy phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép và thông báo lý do không cấp giấy phép.

- Trường hợp bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo thì Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười (10) ngày làm việc.

- Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả hồ sơ đề nghị cấp giấy phép.

c) Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép:

Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc kể từ ngày ra quyết định cấp giấy phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

2. Trình tự, thủ tục cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.

a) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nộp một (01) bộ hồ sơ trực tiếp (hoặc gửi qua đường bưu điện) đến Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp phép chưa đầy đủ, không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

b) Thẩm định hồ sơ:

- Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp giấy phép hoặc ra quyết định cấp giấy phép; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ và thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do không cấp phép cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép.

c) Quyết định cấp phép:

- Trong thời hạn không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình cấp phép, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định hoặc Sở Tài nguyên và Môi trường ra quyết định cấp giấy phép hành nghề. Trường hợp không chấp nhận cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép, trong đó nêu rõ lý do không cấp phép;

- Giấy phép đã cấp được giao trực tiếp cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép tại Sở tài nguyên và Môi trường hoặc được gửi qua đường bưu điện sau khi chủ giấy phép đã nộp đầy đủ phí và lệ phí theo quy định.

3. Trình tự thủ tục gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước.

a) Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ:

- Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép (sau đây gọi tắt là tổ chức, cá nhân) nộp một (01) bộ hồ sơ và nộp phí thẩm định hồ sơ theo quy định của pháp luật cho Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để hoàn thiện hồ sơ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ sau khi đã bổ sung hoàn thiện mà vẫn không đáp ứng yêu cầu theo quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do.

b) Thẩm định đề án, báo cáo đối với trường hợp gia hạn, điều chỉnh giấy phép:

- Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án, báo cáo, nếu cần thiết kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, báo cáo. Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do không gia hạn, điều chỉnh giấy phép;

- Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án, báo cáo. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án, báo cáo không tính vào thời gian thẩm định đề án, báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi đề án, báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là mười (10) ngày làm việc;

- Trường hợp phải lập lại đề án, báo cáo, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung đề án, báo cáo chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ.

c) Thẩm định hồ sơ đối với trường hợp cấp lại giấy phép:

Trong thời gian năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, nếu đủ điều kiện để cấp lại giấy phép thì trình UBND tỉnh cấp phép hoặc ra quyết định cấp phép. Trường hợp không đủ điều kiện, Sở Tài nguyên và Môi trường trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo lý do.

d) Trả kết quả giải quyết hồ sơ cấp phép:

Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép của cơ quan có thẩm quyền, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để thực hiện nghĩa vụ tài chính và nhận giấy phép.

4. Mẫu văn bản trong hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, chuyển nhượng giấy phép tài nguyên nước thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 và Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014.

Điều 16. Trình tự, thủ tục đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất

1. Trình tự, thủ tục đăng ký:

a) Căn cứ Danh mục khu vực phải đăng ký khai thác nước dưới đất được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Tổ trưởng Tổ dân phố, Trưởng thôn, xóm (sau đây gọi chung là Tổ trưởng dân phố) thực hiện rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có giếng khoan khai thác nước dưới đất thuộc diện phải đăng ký trên địa bàn; thông báo và phát hai (02) tờ khai quy định tại Mẫu số 38 của Phụ lục kèm theo Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 cho tổ chức, cá nhân để kê khai.

Trường hợp chưa có giếng khoan, tổ chức, cá nhân phải thực hiện việc đăng ký khai thác trước khi tiến hành khoan giếng.

b) Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tờ khai, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm hoàn thành hai (02) tờ khai và nộp cho cơ quan đăng ký hoặc nộp cho tổ trưởng tổ dân phố để nộp cho Ủy ban nhân dân cấp xã. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm nộp tờ khai cho Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 10 của Quy định này.

c) Trong thời hạn không quá mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ khai của tổ chức, cá nhân, cơ quan đăng ký có trách nhiệm kiểm tra nội dung thông tin, xác nhận vào tờ khai và gửi một (01) bản cho tổ chức, cá nhân.

2. Trường hợp tổ chức, cá nhân đã đăng ký khai thác nước dưới đất, nếu không tiếp tục khai thác, sử dụng thì phải thông báo và trả tờ khai cho cơ quan đăng ký hoặc tổ trưởng dân phố để báo cho cơ quan đăng ký và thực hiện việc trám, lấp giếng không sử dụng theo quy định.

3. Cơ quan đăng ký có trách nhiệm lập sổ theo dõi, cập nhật số liệu đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn; hàng năm tổng hợp, báo cáo kết quả đăng ký, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp cơ quan đăng ký là Ủy ban nhân dân cấp xã thì gửi báo cáo kết quả đăng ký tới Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước

1. Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 38 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

2. Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 43 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 43 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

3. Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại Khoản 1 Điều 4 và có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11/7/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 18. Báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất

1. Tổ chức, cá nhân được cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất có trách nhiệm báo cáo đến cơ quan đã cấp phép theo định kỳ sáu (6) tháng một (1) lần tình hình hoạt động tài nguyên nước của đơn vị.

2. Tổ chức, cá nhân thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất khi gặp sự cố, gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng nguồn nước hoặc phát hiện các trường hợp bất thường về chất lượng nguồn nước phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi xảy ra sự cố để được hướng dẫn xử lý.

Chương IV
CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THANH TRA CHUYÊN NGÀNH
VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 19. Chế độ báo cáo

1. Các sở, ban, ngành liên quan báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước liên quan đến ngành quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; tình hình đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn.

3. Chế độ báo cáo: Định kỳ hằng năm trước ngày 10 tháng 12 các đơn vị nêu trên gửi báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường. Nội dung báo cáo phải trình bày rõ tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo lĩnh vực quản lý và trên từng địa bàn cụ thể. Nêu những thuận lợi, khó khăn, kiến nghị và đề xuất giải pháp thực hiện có hiệu quả.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận các báo cáo của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo.

Điều 20. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo

1. Kiểm tra việc thực hiện các nội dung quy định ghi trong giấy phép tài nguyên nước.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra định kỳ hàng năm về việc thực hiện các quy định ghi trong giấy phép do Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài nguyên và Môi trường cấp phép đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất. Trình tự, thủ tục, nội dung kiểm tra sau cấp giấy phép, gồm:

a) Trình tự, thủ tục kiểm tra:

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện có liên quan thống nhất kế hoạch kiểm tra;

- Thành lập Đoàn kiểm tra hoặc tổ chức kiểm tra theo từng nhiệm vụ cụ thể, đột xuất;

- Thông báo cho tổ chức, cá nhân được kiểm tra biết trước 02 ngày về kế hoạch làm việc của Đoàn kiểm tra;

- Tiến hành kiểm tra.

b) Nội dung kiểm tra:

- Đối với giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước:

+ Vị trí, khu vực thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

+ Mục đích khai thác, sử dụng tài nguyên nước; nguồn gốc nguồn nước thải;

+ Kiểm tra thực tế về lưu lượng, chất lượng nguồn nước, quy mô thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; chất lượng nước thải, nguồn nước tiếp nhận;

+ Thiết bị đo, quan trắc mực nước, lưu lượng nước khai thác; sổ sách ghi chép tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước;

+ Công trình thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xử lý nước thải;

+ Các nội dung khác ghi trong giấy phép;

+ Thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

+ Chế độ báo cáo tình hình hoạt động tài nguyên nước.

- Đối với giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất:

+ Trang thiết bị sử dụng trong hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất;

+ Năng lực chuyên môn kỹ thuật của người chịu trách nhiệm chính về kỹ thuật phù hợp với quy mô hành nghề;

+ Việc thực hiện các nội dung ghi trong giấy phép.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tài nguyên nước thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Chương V

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 21. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường:

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành; lập quy hoạch, kế hoạch quản lý, thông tin, tuyên truyền, cấp phép, kiểm tra, thanh tra hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh nhằm quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ hiệu quả tài nguyên nước;

2. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, các cơ quan quản lý nhà nước các tỉnh liên quan trong công tác quản lý, thông tin, tuyên truyền bảo vệ tài nguyên nước, xây dựng, đề xuất phương án và triển khai thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra;

3. Hướng dẫn, tiếp nhận, tổ chức thẩm định hồ sơ xin cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực giấy phép tài nguyên nước, cho phép chuyển nhượng và trả lại giấy phép tài nguyên nước và lưu trữ hồ sơ theo sự phân cấp của Ủy ban nhân dân tỉnh;

4. Cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực và thu hồi giấy phép tài nguyên nước khi được của Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền;

5. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm theo quy định của pháp luật;

6. Tổ chức việc điều tra cơ bản, kiểm kê, đánh giá tài nguyên nước; lập quy hoạch, kế hoạch quản lý và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước tại địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh;

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 22. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan

1. Sở Tài chính:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng các chính sách về thuế tài nguyên nước, phí, lệ phí quản lý tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.

2. Cục Thuế tỉnh: Tổ chức thực hiện thu các loại thuế, phí theo quy định của pháp luật về thuế, phí, Luật Quản lý thuế và các chính sách thu hiện hành trong lĩnh vực khai thác tài nguyên nước.

3. Các sở, ngành liên quan khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong công tác quản lý, khai thác và bảo vệ tài nguyên nước.

Điều 23. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện:

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước. Đề xuất chính sách quản lý cho từng thời kỳ đảm bảo phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống và khắc phục hậu quả do nước gây ra:

a) Bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn quản lý, bao gồm: Nước dưới đất, nước trong sông, suối, ao, hồ;

b) Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng nguồn nước sinh hoạt, địa điểm khai thác, sử dụng nguồn nước trên địa bàn;

đ) Đối với những đoạn sông bị sạt, lở hoặc có nguy cơ bị sạt, lở bờ, bãi sông; chủ động phối hợp với các ngành chức năng xác định nguyên nhân gây sạt, lở, đề xuất các giải pháp để ngăn ngừa, khắc phục và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh;

e) Đối với vùng ven biển và vùng ảnh hưởng thủy triều: Chủ động phối hợp với các ngành chức năng có biện pháp quản lý, bảo vệ đê biển, vận hành các công ngăn mặn, giữ ngọt đảm bảo đúng quy trình; khai thác nước dưới đất phải bảo đảm phòng chống xâm nhập mặn cho các tầng chứa nước dưới đất; bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ chắn sóng để phòng chống xâm nhập mặn và nước biển dâng;

f) Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; phòng chống khắc phục hậu quả, tác hại do khai thác nước gây ra, kết hợp với việc bảo vệ môi trường, bảo vệ tính mạng và tài sản của nhân dân, tài sản của Nhà nước.

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường cấp xã.

4. Tổ chức và phối hợp thực hiện thanh tra, kiểm tra các tổ chức, cá nhân đang thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật và đề xuất biện pháp quản lý, bảo vệ tài nguyên nước.

5. Tổ chức điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp giếng.

6. Chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức đăng ký về khai thác, sử dụng tài nguyên nước dưới đất tại địa phương.

7. Thu thập, lưu trữ dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định, cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

8. Định kỳ một năm một lần báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra, để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh và quy định khác có liên quan của pháp luật.

Điều 24. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật;

2. Thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra; thống kê, theo dõi, giám sát việc thi hành pháp luật về tài nguyên nước tại địa phương;

3. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tổ chức hòa giải, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định của pháp luật;

4. Quản lý việc khai thác, sử dụng nước dưới đất của các hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; yêu cầu các hộ gia đình, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất ở các vùng phải đăng ký đăng ký theo quy định;

5. Tiếp nhận, kiểm tra, thực hiện các trình tự đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước cho hộ gia đình theo Quy định này; quản lý, lưu trữ hồ sơ, lập sổ theo dõi, ghi chép, thống kê, tổng hợp kết quả đăng ký và định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện;

6. Thực hiện điều tra, thống kê, tổng hợp, phân loại giếng phải trám lấp; tham gia giám sát quá trình trám lấp của đơn vị thi công;

7. Định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tình hình quản lý, bảo vệ, hoạt động tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra;

8. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Điều khoản thi hành

Căn cứ nội dung Quy định này, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn theo chức năng, nhiệm vụ được giao chịu trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc, thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các đơn vị phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

UOM
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



• Lê Đình Sơn